**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN CHƯƠNG MỸ**
**THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **115/**2022/DS-ST
Ngày: 16/8/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông **Nguyễn Việt Dũng**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Phạm Tiến Lợi**, Bà **Nguyễn Thị Luận**

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Lê Thị Hường** – Thư ký Toà án nhân dân huyện CM

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM tham gia phiên tòa:* Ông **Cù Ngô N Thịnh** - Kiểm sát V

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện CM tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý 10/2022/TLST- DS ngày 19/01/2021 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐST-DS ngày 07/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐST-DS ngày 28/7/2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** N hàng thương mại cổ phần QT Việt Nam; Địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, tòa nhà ST, số 111A Pasteur, phường BN, quận 1, thành phố HCM. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Tuyết H.

2. **Bị đơn:** 2.1. Ông Phạm Tài B, sinh năm 1974.

2.2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn KT, xã PN, huyện CM, thành phố HN.

3 **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ông Nguyễn Đình V, sinh năm 1961.

3.2. Bà Lương Thị L, sinh năm 1965.

Đều trú tại: Thôn KT, xã PN, huyện CM, thành phố HN.

3.3. Anh Nguyễn Đình V, sinh năm 1988 (con ông V, bà L).

3.4. Chị Bùi Thị N, sinh năm 1987 (vợ anh V); Các con anh V, chị N: Cháu Nguyễn Bảo N, sinh năm 2010; Cháu Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 2016; Cháu

Nguyễn Quang M, sinh năm 2019; Người đại diện hợp pháp của cháu N, cháu H, cháu M: Anh Nguyễn Đình V, chị Bùi Thị N (bố mẹ đẻ); Đều trú tại: Thôn KT, xã PN, huyện CM, thành phố HN.

3.5. Chị Lương Thị V, sinh năm 1986; Trú tại: Xóm N, thôn 1, xã ĐY, huyện CM, HN.

Chị Lương Thị V ủy quyền cho bà Lương Thị L, sinh năm 1965; trú tại: Thôn KT, xã PN, huyện CM, thành phố HN.

3.6. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991; Trú tại: Xóm M, xã TN huyện TT, thành phố HN.

Có mặt đại diện nguyên đơn, bị đơn bà Nguyễn Thị N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện và các lời khai - Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn- trình bày:**

Ông Phạm Tài B và bà Nguyễn Thị N vay vốn tại N hàng TMCP QT Việt Nam (VIB) – Chi nhánh NH - Phòng Giao dịch XM theo Hợp đồng tín dụng số 012/HDDTD-VIB058/11 ngày 24/6/2011, cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng);
- Số tiền giải N: 730.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 012.05/KUNN1-VIB058/11 ngày 23/6/2012.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh hàng nông sản làm thức ăn chăn nuôi
- Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày 23/6/2012.
- Hình thức giải N: Tiền mặt
- Lãi suất và kỳ điều chỉnh lãi suất: Lãi suất 18%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VND kỳ hạn 03 tháng của VIB + lãi biên 4%/năm, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại từng thời kỳ, phù hợp với quy định pháp luật.
- Phương thức trả nợ:

  + Trả nợ gốc: Ngày 23/12/2012.

  + Trả nợ lãi: Từ ngày 01 đến 05 hàng tháng, nếu đến hết ngày 05 hàng tháng bên vay không trả hết số nợ lãi thì VIB sẽ chuyển toàn bộ số nợ gốc còn lại sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn của VIB tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Ngày trả nợ lãi đầu tiên là ngày 05/7/2012.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 825, tờ bản đồ số: 02, địa chỉ: thôn KT, xã PN, huyện CM, thành phố HN theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN 083067, số vào sổ cấp GCN: 01528 do UBND huyện CM, tỉnh HT (nay là thành phố HN) cấp ngày 14/7/2008, cấp cho hộ ông Nguyễn Đình V và bà Lương Thị L. Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 3804, quyển số 02.2011 do Văn Phòng Công chứng số 7 công chứng ngày 17/6/2011.

Quá trình thực hiện: Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, ông Phạm Tài B và bà Nguyễn Thị N đã trả cho VIB số tiền 4.418.057 đồng tiền lãi. Tuy nhiên sau đó ông B, bà N đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho VIB dẫn tới khoản vay bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 24/12/2012.

N hàng TMCP QT Việt Nam (VIB) khởi kiện ông Phạm Tài B và bà Nguyễn Thị N ra trước Tòa án nhân dân huyện CM, kính đề nghị giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc ông Phạm Tài B và bà Nguyễn Thị N phải trả cho VIB số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 012/HDDTD-VIB058/11 ngày 24/6/2011 tính đến ngày 07/9/2020 tổng số tiền là 2.357.537.390 đồng. Trong đó gồm: Nợ gốc: 730.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 56.888.576 đồng; Lãi quá hạn: 1.570.648.814 đồng.

Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn phát sinh theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký với VIB và theo quy định của pháp luật cho đến khi ông Phạm Tài B và bà Nguyễn Thị N trả hết nợ.

- Trong trường hợp ông Phạm Tài B và bà Nguyễn Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên N hàng TMCP QT Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản thế chấp cho khoản vay để xử lý, thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 825, tờ bản đồ số: 02, địa chỉ: thôn KT, xã PN, huyện CM, thành phố HN theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN 083067, số vào sổ cấp GCN: 01528 do UBND huyện CM, tỉnh HT (nay là thành phố HN) cấp ngày 14/7/2008, cấp cho hộ ông Nguyễn Đình V và bà Lương Thị L. Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 3804, quyển số 02.2011 do Văn Phòng Công chứng số 7 công chứng ngày 17/6/2011.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì đề nghị Tòa án tuyên ông Phạm Tài B và bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho N hàng TMCP QT Việt Nam.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị N trình bày:

Năm 2011, bà N và chồng là ông B đã ký Hợp đồng tín dụng với N hàng TMCP QT Việt Nam số: 012/HĐTD1-VIB058/11 ngày 24/6/2011. Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Số tiền giải N: 730.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 012.05/KUNN1-VIB058/11 ngày 23/6/2012.

Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 825, tờ bản đồ số: 02, địa chỉ: thôn KT, xã PN, huyện CM, thành phố HN theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN 083067, số vào sổ cấp GCN: 01528 do UBND huyện CM, tỉnh HT (nay là thành phố HN) cấp ngày 14/7/2008, cấp cho hộ ông Nguyễn Đình V và bà Lương Thị L. Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 3804, quyển số 02.2011 do Văn Phòng Công chứng số 7 công chứng ngày 17/6/2011.

Do kinh tế khó khăn nên vợ chồng bà mới trả được cho N hàng 4.418.057 đồng tiền lãi không trả được nợ cho N hàng và vẫn còn nợ gốc là 730.000.000 đồng.

Nay N hàng khởi kiện, vợ chồng bà N sẽ có trách nhiệm trả nợ N hàng và đề nghị N hàng cho trả nợ dần và miễn giảm lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Lương Thị L trình bày: Gia đình bà L có ký Hợp đồng thế chấp với N hàng TMCP QT Việt Nam để đảm bảo cho ông B, bà N vay tiền N hàng.

Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 825, tờ bản đồ số: 02, địa chỉ: thôn KT, xã PN, huyện CM, thành phố HN theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN 083067, số vào sổ cấp GCN: 01528 do UBND huyện CM, tỉnh HT (nay là thành phố HN) cấp ngày 14/7/2008, cấp cho hộ ông Nguyễn Đình V và bà Lương Thị L. Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 3804, quyển số 02.2011 do Văn Phòng Công chứng số 7 công chứng ngày 17/6/2011.

Nay N hàng khởi kiện, bà L đề nghị ông B, bà N có trách nhiệm trả nợ N hàng để gia đình bà lấy lại GCNQSD đất, đề nghị N hàng miễn giảm lãi cho ông B, bà N.

Tại phiên tòa, N hàng TMCP QT Việt Nam (VIB) yêu cầu ông Phạm Tài B và bà Nguyễn Thị N phải trả N hàng TMCP QT Việt Nam (VIB) số tiền còn nợ tính đến ngày 15/8/2022 là: 2.751.604.631 đồng, trong đó (Nợ gốc: 730.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 56.888.576 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.964.716.055 đồng).

Buộc ông Phạm Tài B và bà Nguyễn Thị N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 16/8/2022 đối với số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Trường hợp ông B, bà N không trả nợ thì N hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn – bà N đề nghị N hàng cho trả nợ dần và giảm lãi.

Đại diện Viện kiểm sát huyện CM thể hiện quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N hàng TMCP QT Việt Nam (VIB), buộc ông Phạm Tài B và bà Nguyễn Thị N phải trả cho VIB số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 012/HDDTD-VIB058/11 ngày 24/6/2011, tính đến ngày 15/8/2022 là: 2.751.604.631 đồng, trong đó (Nợ gốc: 730.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 56.888.576 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.964.716.055 đồng).

Buộc ông Phạm Tài B và bà Nguyễn Thị N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 16/8/2022 đối với số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Xác định Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất là có hiệu lực pháp luật và có hiệu lực thi hành.

Bị đơn, Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: N hàng TMCP QT Việt Nam (VIB) có đơn khởi kiện về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng tại Tòa án nhân dân huyện CM đối với ông Phạm Tài B và bà Nguyễn Thị N có nơi cư trú tại Thôn KT, xã PN, huyện CM, tp HN. Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về áp dụng luật nội dung: Thời điểm giao kết Hợp đồng tín dụng là ngày 24/6/2011, nên cần phải áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết tranh chấp.

[1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn – ông B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bị đơn – ông B, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Toà án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Toà án xét xử vắng mặt bị đơn – ông B, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

[2.1]. Xét tính pháp lý của Hợp đồng tín dụng.

N hàng TMCP QT Việt Nam (VIB) đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 012/HDDTD-VIB058/11 ngày 24/6/2011, cụ thể: số tiền đã giải N: 730.000.000 đồng.

Xét tính pháp lý của Hợp đồng tín dụng trên được các bên cùng xác nhận ký kết trên cơ sở tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với các Điều 290, 343, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực thi hành.

Bị đơn ông Phạm Tài B và bà Nguyễn Thị N thừa nhận có ký kết Hợp đồng tín dụng số 012/HDDTD-VIB058/11 ngày 24/6/2011 như N hàng TMCP QT Việt Nam (VIB) trình bày. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay – ông B, bà N đã nhận đủ tiền đã giải N nhưng vi phạm điều khoản cam kết về thời hạn trả nợ tiền vay nên N hàng TMCP QT Việt Nam (VIB) yêu cầu ông B, bà N phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Đây là căn cứ pháp lý buộc bên vay là ông B, bà N phải có nghĩa vụ trả N hàng TMCP QT Việt Nam (VIB) số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số tiền còn nợ tính đến ngày 15/8/2022 là: 2.751.604.631 đồng, trong đó (Nợ gốc: 730.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 56.888.576 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.964.716.055 đồng).

Ông Phạm Tài B và bà Nguyễn Thị N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 16/8/2022 đối với tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

[2.2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của Hợp đồng tín dụng:

Biện pháp bảo đảm được thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 3804-QS:02.2011 ngày 17/6/2011 tại Văn phòng công chứng số 7 thành phố HN. Đăng ký thế chấp ngày 20/6/2011 tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện CM.

Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 825, tờ bản đồ số 02. Địa chỉ thửa đất: Thôn KT, xã PN, huyện CM, HN theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 083067 được UBND huyện CM cấp ngày 14/07/2008 cho hộ ông Nguyễn Đình V và bà Lương Thị L.

Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết và công chứng tại Văn phòng công chứng Hà Đông là đúng quy định tại Điều 343 Bộ luật dân sự năm 2005 về "*Hình thức thế chấp tài sản*", Điều 167 Luật Đất đai năm 2013 về "*quyền thế chấp quyền sử dụng đất*" và Điều 168 Luật Đất đai năm 2013 về " *Thời điểm thực hiện các quyền của người sử dụng đất*". Do đó thoả thuận trong Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký giữa các bên có hiệu lực pháp luật để thi hành. Yêu cầu của phía nguyên đơn đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp phía bị đơn không trả được các khoản nợ là có căn cứ để chấp nhận.

[3] .Về nghĩa vụ chịu án phí:

- Bị đơn ông B, bà N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 87.032.093 đồng.
- Hoàn trả N hàng TMCP QT Việt Nam (VIB) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên!

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 290, 343, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 167, 168 Luật Đất đai năm 2013; Điều 91, 95,98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26,điểm b khoản 2 Điều 227,Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 điều 147, điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N hàng TMCP QT Việt Nam .

2. Buộc ông Phạm Tài B và bà Nguyễn Thị N phải trả cho N hàng TMCP QT Việt Nam số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 012/HDDTD-VIB058/11 ngày 24/6/2011 tính đến ngày 15/8/2022 là: 2.751.604.631 đồng, trong đó (Nợ gốc:

730.000.000 đồng; Nợ  lãi trong hạn: 56.888.576 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.964.716.055 đồng).

Ông Phạm Tài B và bà Nguyễn Thị N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 16/8/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 012/HDDTD-VIB058/11 ngày 24/6/2011.

Trường hợp ông Phạm Tài B và bà Nguyễn Thị N trả xong khoản nợ trên cho N hàng TMCP QT Việt Nam (VIB) thì N hàng TMCP QT Việt Nam (VIB)  sẽ làm thủ tục giải chấp tài sản thế chấp. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản đảm bảo không đủ thanh toán khoản nợ thì ông B, bà N tiếp tục có nghĩa vụ trả hết nợ cho N hàng TMCP QT Việt Nam

3. Trong trường hợp ông Phạm Tài B và bà Nguyễn Thị N không trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả nợ thì N hàng TMCP QT Việt Nam (VIB) có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 825, tờ bản đồ số 02. Địa chỉ thửa đất: Thôn KT, xã PN, huyện CM, HN theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 083067 được UBND huyện CM cấp ngày 14/07/2008 cho hộ ông Nguyễn Đình V và bà Lương Thị L. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 3804-QS:02.2011 ngày 17/6/2011 tại Văn phòng công chứng số 7 thành phố HN. Đăng ký thế chấp ngày 20/6/2011 tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện CM.

4. Án phí: Ông Phạm Tài B và bà Nguyễn Thị N phải nộp 87.032.093 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả N hàng TMCP QT Việt Nam (VIB) số tiền 29.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0075644 ngày 18/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm; Người đại diện của nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận**:*
*- TAND TP HN;*
*- VKSND huyện CM;*
*- THA  huyện CM;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu HS, VT.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Việt Dũng**

***N¬i nhËn:***

- TAND TP Hµ Néi;
- VKSND huyện CM;
- THA  huyện CM;
- C¸c ®ương sù;
- Lu HS, VT.

**tm. Hội đồng xét xử**
**Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà**

***Vương Đăng Khoa***

***Nơi nhận:***
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện CM;
- THA huyện CM;
- Các đương sự;
- Lu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà**

***Vương Đăng Khoa***

***Nơi nhận:***
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện CM;
- THA huyện CM;
- Các đương sự;
- Lu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà**

***Vương Đăng Khoa***